

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hà Quế Phương
2. Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/HNGĐ-ST ngày 02/12/2022 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Nữ Minh Ch, sinh năm 1994
Địa chỉ: 60F/B2 ấp ĐL 2, xã GT 2, huyện TN, T. Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1994
Địa chỉ: 10712 S.K Ave., Oak, Ill 60453, USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Nữ Minh Ch trình bày:*

Bà và ông Trần Văn Kh tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND huyện TN cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 19/3/2019.

Sau khi kết hôn thì ông Kh trở lại Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, ngày càng xa cách, không còn tình cảm, mâu thuẫn bất đồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được.

Nhận thấy hai bên không còn tình cảm, không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Kh (Tran, Van Kh).

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn Kh trình bày:*

Năm 2019 ông và bà Ch tự nguyện kết hôn, hai bên có làm đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND huyện TN. Sau khi kết hôn, vì lý do công việc ông phải sang Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc. Do đó, vợ chồng xa cách, công thể tổ chức chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Nữ Minh Ch

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa bà Ch và ông Kh là hôn nhân hợp pháp. Ông Kh sinh sống ở nước ngoài, không về Việt Nam, bà Ch trình bày hai bên thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Ch là có căn cứ để chấp nhận

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Bà Ch phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Trần Văn Kh (Tran, Van Kh) là người Việt Nam đang cư trú tại nước ngoài (Hoa Kỳ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử :

Nguyên đơn bà Ch, bị đơn ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Nữ Minh Ch được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 19/3/2019, hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Bà Ch yêu cầu xin ly hôn do đó áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy bà Ch và ông Kh không thể tiếp tục xây dựng được cuộc sống chung do khoảng cách về địa lý; giữa các bên phát sinh mâu thuẫn, bà Ch trình bày đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân của ông bà không còn cần thiết do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ch.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Nữ Minh Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 238, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Nữ Minh Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nữ Minh Ch được ly hôn với ông Trần Văn Kh (Tran, Van Kh).

2. Về con chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Nữ Minh Ch phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000335 ngày 15/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Bà Nguyễn Nữ Minh Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, ông Trần Văn Kh được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- UBND H. Thống Nhất;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Phong